

Câu 10. Thiết bị nào dưới đây sử dụng nam châm điện?

- A. Tủ lạnh. B. Máy lọc nước. C. Chuông điện. D. Bóng đèn điện.

Câu 11. Cách nào dưới đây không làm thay đổi lực từ của nam châm điện?

- A. Thay đổi cường độ dòng điện chạy qua ống dây.
B. Thay đổi số vòng dây của nam châm điện.
C. Thay đổi chiều dài ống dây của nam châm điện.
D. Thay đổi chiều dòng điện của nam châm.

Câu 12. Cấu tạo nam châm điện bao gồm

- A. Ống dây dẫn và một thỏi sắt non lồng vào trong lòng ống dây.
B. Ống dây dẫn và một thanh nam châm lồng vào trong lòng ống dây.
C. Một ống nhựa và một lõi sắt non lồng vào trong lòng ống.
D. Một ống nhựa và một thanh nam châm lồng vào trong lòng ống.

Câu 13. Từ trường là gì?

- A. Không gian xung quanh điện tích đứng yên, xung quanh dòng điện có khả năng tác dụng điện lên kim nam châm đặt trong nó
B. Không gian xung quanh nam châm, xung quanh dòng điện có khả năng tác dụng lực từ lên kim nam châm đặt trong nó
C. Không gian xung quanh điện tích có khả năng tác dụng lực điện lên kim nam châm đặt trong nó
D. Không gian xung quanh dòng điện có khả năng tác dụng lực từ lên điện tích đặt trong nó

Câu 14. Chọn phát biểu đúng về từ phổ và từ trường?

- A. Có thể thu được từ phổ bằng rắc mạt sắt lên tấm nhựa trong đặt trong từ trường
B. Từ phổ là hình ảnh cụ thể về các đường sức điện
C. Nơi nào mạt sắt dày thì từ trường yếu
D. Nơi nào mạt sắt thưa thì từ trường mạnh

Câu 15. Từ phổ là

- A. Hình ảnh của các đường mạt sắt trong từ trường của nam châm.
B. Hình ảnh của các kim nam châm đặt gần một nam châm thẳng.
C. Hình ảnh của các hạt cát đặt trong từ trường của nam châm.
D. Hình ảnh của các hạt bụi đặt trong từ trường của nam châm.

Câu 16. Đường sức từ là những đường cong được vẽ theo quy ước như thế nào?

- A. Có chiều từ cực Nam tới cực Bắc bên ngoài thanh nam châm
B. Có độ mau thưa tùy ý
C. Bắt đầu từ cực này và kết thúc ở cực kia của nam châm
D. Có chiều đi ra từ cực Bắc, đi vào cực Nam bên ngoài thanh nam châm

Câu 17. Khi có dòng điện chạy qua nam châm điện không hút được vật liệu nào sau đây?

- A. Sắt. B. Thép. C. Đồng. D. Niken.

Câu 18. Dù đặt kim nam châm như thế nào, cuối cùng kim nam châm cũng chỉ hướng Nam – Bắc. Điều này là do:

- A. Từ trường của kim nam châm tác dụng lên Trái Đất.
B. Từ trường của Trái Đất tác dụng lên kim nam châm.
C. Từ trường của Trái Đất và của kim nam châm tác dụng lẫn nhau.
D. Tất cả đều sai.

Câu 19. Chọn câu trả lời sai khi nói về từ phổ?

- A. Từ phổ là hình ảnh cụ thể về đường sức từ.
- B. Nơi nào mật sắt dày thì từ trường mạnh, nơi nào mật sắt thưa thì từ trường yếu.
- C. Nơi nào mật sắt thưa thì từ trường mạnh, nơi nào mật sắt dày thì từ trường yếu.
- D. Từ phổ là hình ảnh trực quan về từ trường.

Câu 20. Đường sức từ cho phép ta biểu diễn

- A. các cực từ của nam châm.
- B. từ phổ.
- C. từ trường.
- D. Cả A, B, C.

Câu 21. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là

- A. lực từ.
- B. từ trường.
- C. đường sức từ.
- D. từ phổ.

Câu 22. Nam châm điện có thể hút được các vật liệu nào sau đây

- A. Thanh sắt.
- B. Thanh nhôm.
- C. Thanh đồng.
- D. Thanh nhựa.

Câu 23. Khi đặt la bàn tại một vị trí trên mặt đất, kim la bàn định hướng như thế nào?

- A. Cực Bắc của kim la bàn chỉ hướng Bắc, cực Nam của kim la bàn chỉ hướng Nam.
- B. Cực Bắc của kim la bàn chỉ hướng Nam, cực Nam của kim la bàn chỉ hướng Bắc.
- C. Kim la bàn chỉ hướng bất kì.
- D. Kim la bàn quay liên tục.

Câu 24. La bàn là dụng cụ dùng để làm gì?

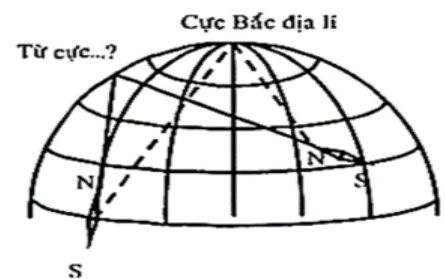
- A. Là dụng cụ để đo tốc độ.
- B. Là dụng cụ để đo nhiệt độ.
- C. Là dụng cụ để xác định độ lớn của lực.
- D. Là dụng cụ để xác định hướng.

Câu 25. Cấu tạo của la bàn gồm những bộ phận nào?

- A. kính bảo vệ, mặt số.
- B. kính bảo vệ, kim nam châm, mặt số.
- C. kim nam châm, kính bảo vệ.
- D. nút bấm, mặt số, kính bảo vệ.

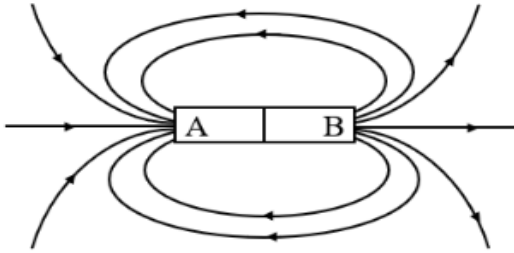
Câu 26. Trên hình bên mô tả tính chất từ của Trái Đất. Tên từ cực của Trái Đất nằm gần cực Bắc địa lí là:

- A. từ cực Bắc.
- B. không xác định được.
- C. từ cực Nam.
- D. cả hai từ cực Bắc và Nam.



B. TỰ LUẬN:

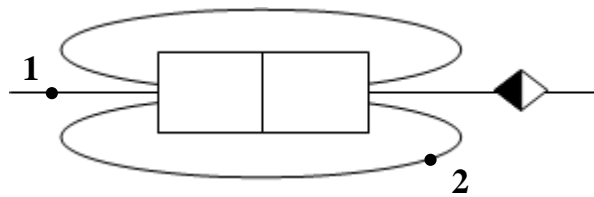
Câu 1: Hình dưới đây cho biết một số đường sức từ của nam châm thẳng. Hãy xác định tên hai cực của nam châm dưới đây?



Câu 2: Xác định chiều đường sức từ của một nam châm thẳng trong Hình 19.5



Câu 3: Hãy xác định chiều của đường sức tại vị trí số 1 và số 2 ở hình dưới đây và xác định tên hai từ cực của thanh nam châm. (vẽ mũi tên trực tiếp vào điểm 1, 2 và ghi tên cực N, S vào thanh nam châm của hình có sẵn).



Hình 1.1

Câu 4: Để hút các mảnh kim loại ra khỏi bãi rác người ta sử dụng một cần cẩu có nam châm điện (như trên hình H1.1). Để lấy các mảnh kim loại này ra khỏi cần cẩu thì người ta sẽ làm gì?



Câu 9. Cơ quan chính thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật là:

- A. rễ cây. B. thân cây. C. lá cây. D. hoa.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Trong quá trình quang hợp, cây hấp thụ khí oxygen để tổng hợp chất hữu cơ.
B. Quang hợp là quá trình sinh vật sử dụng ánh sáng để phân giải chất hữu cơ.
C. Một trong các sản phẩm của quang hợp là khí oxygen.
D. Quang hợp là quá trình sinh lí quan trọng xảy ra trong cơ thể mọi sinh vật.

Câu 11. Trong các phát biểu sau:

- (1) Cung cấp nguồn chất hữu cơ từ các chất vô cơ nhờ năng lượng ánh sáng.
(2) Cung cấp khí oxygen.
(3) Điều hoà trực tiếp mực nước biển.
(4) Tăng hàm lượng khí carbon dioxide trong không khí.
Có bao nhiêu nhận định đúng về vai trò của quang hợp?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 12. Nguyên liệu của quá trình quang hợp gồm:

- A. khí oxygen và glucose. B. glucose và nước.
C. khí carbon dioxide, nước và năng lượng ánh sáng. D. khí carbon dioxide và glucose.

Câu 13. Cây xương rồng có lá biến thành gai thì quá trình quang hợp sẽ diễn ra ở bộ phận nào sau đây của cây?

- A. Gai. B. Hoa. C. Thân. D. Rễ.

Câu 14. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng giúp cơ thể sinh vật:

- A. Sinh trưởng, phát triển, cảm ứng, vận động. B. Vận động, phát triển, cảm ứng, sinh sản.
C. Sinh trưởng, vận động, cảm ứng, sinh sản. D. Duy trì sự sống, sinh trưởng, phát triển, sinh sản.

Câu 15. Khi chúng ta chơi thể thao nhiệt độ cơ thể tăng hơn bình thường, thở nhanh. Hiện tượng này là do:

- A. Cơ thể chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp oxygen cho quá trình chuyển hóa năng lượng.
B. Cơ thể chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp oxygen cho quá trình chuyển hóa năng lượng.
C. Cơ thể chuyển hóa hóa năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp carbon dioxide cho quá trình chuyển hóa năng lượng.
D. Cơ thể chuyển hóa điện năng thành nhiệt năng và nhu cầu cung cấp carbon dioxide cho quá trình chuyển hóa năng lượng.

Câu 16. Cho một cành rong đuôi chó vào bình chứa nước. Đổ đầy nước vào một ống nghiệm sau đó úp ngược ống nghiệm vào cành rong đuôi chó sao cho không có bọt khí lọt vào. Để bình nước này ra chỗ có nắng thì sau một thời gian, ta quan sát thấy hiện tượng gì?

- A. Bọt khí nổi lên và khí dần chiếm chỗ nước trong ống nghiệm.
B. Nước trong bình chuyển dần sang màu hồng nhạt.
C. Nước trong ống nghiệm chuyển màu xanh thẫm.
D. Chất kết tủa màu trắng dần xuất hiện ở đáy ống nghiệm.

Câu 17. Điền vào chỗ trống:

“Hô hấp tế bào là quá trình tế bào(1) tạo thành carbon dioxide, nước, đồng thời(2) cung cấp cho các hoạt động sống của tế bào và cơ thể.

- A. (1) trao đổi các chất hữu cơ; (2) giải phóng năng lượng
B. (1) giải phóng năng lượng; (2) phân giải chất hữu cơ
C. (1) phân giải chất hữu cơ; (2) giải phóng năng lượng
D. (1) giải phóng năng lượng; (2) phân huỷ chất hữu cơ

Đề cương chỉ mang tính chất tham khảo

Câu 18. Ở sinh vật nhân thực, quá trình hô hấp diễn ra trong:

- A. Lục lạp B. ti thể C. không bào D. nhân

Câu 19. Loại chất được phân giải chủ yếu trong quá trình hô hấp tế bào là:

- A. lipid B. protein C. glucose D. vitamin

Câu 20. Năng lượng đã được chuyển hoá như thế nào trong quá trình hô hấp?

- A. Quang năng thành hoá năng B. Nhiệt năng thành hoá năng
C. Hoá năng thành nhiệt năng D. Hoá năng thành điện năng

Câu 21. Nguyên liệu tham gia vào quá trình hô hấp tế bào là:

- A. Glucose, oxygen B. Glucose, carbon dioxide
C. Carbon dioxide, nước D. Oxygen, nước

Câu 22. Nhiệt độ thuận lợi cho quá trình hô hấp ở sinh vật khoảng:

- A. 20°C – 25°C B. 25°C – 30°C C. 30°C – 35°C D. 35°C – 40°C

Câu 23. Oxygen là nguyên liệu tham gia vào quá trình hô hấp. Cường độ hô hấp giảm khi nồng độ oxygen trong không khí giảm xuống dưới:

- A. 2% B. 5% C. 10% D. 20%

Câu 24. Biện pháp phổ biến hiện nay được dùng để bảo quản lương thực, thực phẩm là:

- A. Bảo quản lạnh
B. Bảo quản khô
C. Bảo quản trong điều kiện nồng độ carbon dioxide cao và nồng độ oxygen thấp.
D. Cả A, B, C.

Câu 25. Để bảo quản các loại hạt giống người ta sử dụng biện pháp nào sau đây:

- A. Bảo quản trong tủ lạnh
B. Phơi khô và cho vào lọ kín
C. Bảo quản trong điều kiện nồng độ Oxygen cao
D. Tất cả đều đúng

Câu 26. Trước khi gieo, người ta thường ngâm hạt trong nước ấm khoảng:

- A. 40°C B. 45°C C. 50°C D. 55°C

Câu 27. Trong trồng trọt, người ta thường cày bừa đất trước khi gieo trồng. Kỹ thuật này cho thấy yếu tố nào đã giúp rễ cây hô hấp tốt?

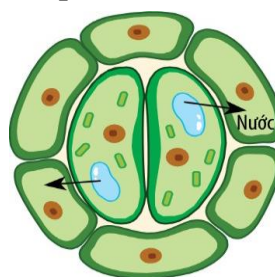
- A. Nhiệt độ B. Nồng độ oxygen C. Hàm lượng nước D. Ánh sáng

Câu 28. Cấu tạo của khí khổng

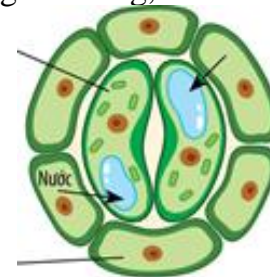
- A. Mỗi khí khổng gồm hai tế bào hình hạt đậu nằm áp sát nhau, thành ngoài mỏng, thành trong dày.
B. Mỗi khí khổng gồm bốn tế bào hình hạt đậu nằm áp sát nhau, thành ngoài mỏng, thành trong dày.
C. Mỗi khí khổng gồm hai tế bào hình bầu dục nằm áp sát nhau.
D. Mỗi khí khổng gồm hai tế bào hình que nằm áp sát nhau, thành ngoài mỏng, thành trong dày.

Câu 29. Hai tế bào tạo thành khí khổng có hình dạng gì?

- A. Hình yên ngựa.
B. Hình lõm hai mặt.
C. Hình hạt đậu.
D. Có nhiều hình dạng.



Khí khổng đóng



Khí khổng mở

Câu 30. Chức năng của khí khổng:

- A. trao đổi khí carbon dioxide với môi trường. B. trao đổi khí oxygen với môi trường.
C. thoát hơi nước ra môi trường. D. Cả ba chức năng trên.

Đề cương chỉ mang tính chất tham khảo

Câu 31. Trong quá trình quang hợp ở thực vật, các khí được trao đổi qua khí khổng như thế nào?

- A. CO₂ và O₂ khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, hơi nước thoát ra ngoài.
- B. O₂ và CO₂ khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.
- C. O₂ khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, CO₂ khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.
- D. CO₂ khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, O₂ khuếch tán từ trong tế bào lá ra môi trường.

Câu 32. Trong quá trình trao đổi chất, cơ thể con người không lấy vào:

- A. Khí carbon dioxide. B. Khí oxygen. C. Nước uống. D. Thức ăn.

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Hình vẽ sau mô tả sự trao đổi khí qua khí khổng của lá, hãy quan sát và điền vào chỗ trống:

Hình SGK 27.3

	<p>(1) Quá trình</p> <p>(2) Quá trình</p>
--	---

Câu 2. Vận dụng hiểu biết về quang hợp em hãy nêu ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. SGK / 113

Câu 3. Vì sao các loại hạt phải được phơi khô hoặc sấy khô trước khi đưa vào kho bảo quản? SGK / 129

Câu 4: Xác định cơ quan trao đổi khí của các sinh vật sau: SGK 125, 126

Ong	Tôm	Giun đất	Ruột khoang	Chó
Chim bồ câu	Ruồi	Con cá vàng	Con người	Con cua

Câu 5: Hãy nêu 2 biện pháp để cải thiện sức khỏe hô hấp cho cơ thể?

Hít thở không khí trong lành, Tập luyện thể dục thường xuyên, hít thở sâu.